



Văn phòng Công nhận Chất lượng/ *Bureau of Accreditation*
HỆ THỐNG CÔNG NHẬN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN VIỆT NAM
VIETNAM CERTIFICATION ACCREDITATION SCHEME
--- VICAS ---

70 Tran Hung Dao, Hanoi; Tel: +84 24 37911555; Email: vpcongnhan@boa.gov.vn; Website: <http://www.boa.gov.vn>

PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
ACCREDITATION SCHEDULE

(Kèm theo quyết định số: /QĐ-VPCNCL ngày tháng 03 năm 2024
của Giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng)

TÊN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN/ Organisation

Tiếng Việt/ in Vietnamese: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VINACONTROL HẢI PHÒNG

Tiếng Anh/ in English: VINACONTROL GROUP CORPORATION – HAIPHONG BRANCH

SỐ HIỆU CÔNG NHẬN/ Accreditation Number: VICAS 046 – PRO

ĐỊA CHỈ ĐƯỢC CÔNG NHẬN/ Location Covered by Accreditation

Trụ sở chính/ Head office:

80 Phạm Minh Đức, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng
80 Pham Minh Duc, May To ward, Ngo Quyen district, Ho Chi Minh city

Tel: +84 31 3760065

Fax: +84 31 3760103

Email: vnyaiphong@vinacontrol.com.vn

Website: www.vinacontrol.com.vn

CHUẨN MỰC CÔNG NHẬN/ Accreditation Standards

ISO/IEC 17065: 2012 Đánh giá sự phù hợp – Yêu cầu đối với tổ chức chứng nhận sản phẩm, quá trình, dịch vụ/ *Conformity assessment – Requirements for bodies certifying products, processes and services.*

HIỆU LỰC CÔNG NHẬN/ Accreditation period

Từ ngày/ from / 03 / 2024 đến ngày / to / 03 / 2029



Văn phòng Công nhận Chất lượng/ *Bureau of Accreditation*
HỆ THỐNG CÔNG NHẬN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN VIỆT NAM
VIETNAM CERTIFICATION ACCREDITATION SCHEME

--- VICAS ---

70 Tran Hung Dao, Hanoi; Tel: +84 24 37911555; Email: vpcongnhan@boa.gov.vn; Website: <http://www.boa.gov.vn>

PHẠM VI ĐƯỢC CÔNG NHẬN/ *Scope of Accreditation*

Chứng nhận sản phẩm theo phương thức 1b, 5 theo ISO/IEC 17067:2013 (tương ứng với phương thức 7, 5 theo thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ) cho các sản phẩm sau/ *Product certification in accordance with certification scheme type 1b, 5 of ISO/IEC 17067:2013 (equivalents to certification scheme type 7, 5 of Circular 28/2012/TT-BKHCN dated 12 December, 2012 of Ministry of Science and Technology) for the following products:*

Nhóm sản phẩm thức ăn chăn nuôi/ *Animal feed*

TT No	Tên sản phẩm <i>Product name</i>	Tiêu chuẩn chứng nhận <i>Standard</i>	Thủ tục chứng nhận <i>Certification procedure</i>	Phương thức chứng nhận <i>Type of certification scheme</i>
1	Thức ăn hỗn hợp cho gia súc, gia cầm <i>Compound feeds for livestock</i>	QCVN 01-183:2016/ BNNPTNT	KT-QTĐG03-CT	7
2	Thức ăn chăn nuôi và nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy sản <i>Animal feed and ingredients in aquaculture feed</i>	QCVN 01-190:2020/ BNNPTNT và sửa đổi 1:2021 QCVN 01- 190:2020/BNNPTNT		7

Nhóm sản phẩm hóa chất/ *Chemical products*

TT No	Tên sản phẩm <i>Product name</i>	Tiêu chuẩn chứng nhận <i>Standard</i>	Thủ tục chứng nhận <i>Certification procedure</i>	Phương thức chứng nhận <i>Type of certification scheme</i>
1	Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) <i>Liquefied petroleum gas (LPG)</i>	QCVN 8:2019/ BKHCN	KT-QTĐG02-CT	7
2	Phân bón <i>Fertilizer</i>	84/2019/NĐ-CP QCVN 01-189:2019/ BNNPTNT	KT-QTĐG01-CT	7

Nhóm sản phẩm dệt may/ *Textile and garment products*

TT/ No	Tên sản phẩm/ <i>Product name</i>	Tiêu chuẩn chứng nhận <i>Standard</i>	Thủ tục chứng nhận <i>Certification procedure</i>	Phương thức chứng nhận <i>Type of certification scheme</i>
1	Sản phẩm dệt may <i>Textile products</i>	QCVN 01:2017/BCT	KT-QTĐG14-CT	7
			KT-QTĐG15-CT	5



Văn phòng Công nhận Chất lượng/ *Bureau of Accreditation*
HỆ THỐNG CÔNG NHẬN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN VIỆT NAM
VIETNAM CERTIFICATION ACCREDITATION SCHEME
--- VICAS ---

70 Tran Hung Dao, Hanoi; Tel: +84 24 37911555; Email: vpcongnhan@boa.gov.vn; Website: <http://www.boa.gov.vn>

Nhóm sản phẩm vật liệu kim loại/ *Basic metal products*

TT No	Tên sản phẩm <i>Name of product</i>	Tiêu chuẩn chứng nhận <i>Standard</i>	Thủ tục chứng nhận <i>Certification procedure</i>	Phương thức chứng nhận <i>Type of certification scheme</i>
1	Thép <i>Steels</i>	58/2015/TTLT-BCT- BKHCN	KT-QTĐG04-CT	7
2	Thép làm cốt bê tông <i>Steel for the reinforcement of concrete</i>	QCVN 7:2019/ BKHCN	KT-QTĐG10-CT	7
3	Thép không gỉ <i>Stainless steel</i>	QCVN 20:2019/ BKHCN	KT-QTĐG08-CT	7

Ghi chú/ *Note:*

- Trường hợp Chi nhánh Công ty cổ phần Tập Đoàn Vinacontrol Hải Phòng cung cấp dịch vụ chứng nhận thì Chi nhánh Công ty cổ phần Tập Đoàn Vinacontrol Hải Phòng phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *In case Vinacontrol Group Corporation – Hai Phong Branch provides certification services, Vinacontrol Group Corporation – Hai Phong Branch must register its operations and be granted a Registration Certificate according to the law before providing the service.*